

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST  
Ngày: 20-7-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

***Các hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Phan Thành Phước

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Trương Văn M, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp C, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền đề ngày 11/3/2020.

***2. Bị đơn:*** Bà Đoàn Kim H2, sinh năm 1955 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955, cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã Ph1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

***(Anh H, bà H2: có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Ông Đ: vắng mặt không lý do lần 2)***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020 của nguyên đơn Trương Văn M, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án; anh Nguyễn Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 31/10/2016, ông Trương Văn M có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà Đoàn Kim H và ông Nguyễn Văn Đ, hình thức hợp đồng bằng miệng. Hai bên thỏa thuận cách thức thanh toán tiền tương ứng với số lượng heo từng lần bán ra, thời gian bán heo từ 04 – 05 tháng đối với mỗi đàn heo. Đến ngày 12/9/2018, hai bên kết thúc hợp đồng do ông Đ và bà H nhiều lần bán heo nhưng không thanh toán đủ tiền thức ăn cho ông M. Khi kết thúc mua bán hai bên có tiến hành tổng kết số nợ phía ông Đ và bà H còn nợ ông M với tổng số tiền là 428.470.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, ông M khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông M số tiền gốc là 428.470.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày ông Đ và bà H vi phạm hợp đồng là ngày 13/9/2018 đến ngày Tòa xét xử, lãi suất 0,83%/tháng. Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông M không yêu cầu ông Đ và bà H phải trả tiền lãi, chỉ yêu cầu ông Đ và bà H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tiền nợ gốc là 428.470.000 đồng. Ông M không đồng ý để ông Đ và bà H trả dần.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2020, bị đơn bà Đoàn Kim H2 trình bày:*

Trước đây bà và chồng là ông Nguyễn Văn Đ có mua thức ăn chăn nuôi của ông Trương Văn M để chăn nuôi heo, vịt. Việc chăn nuôi là để có tiền phục vụ cuộc sống hằng ngày của gia đình. Tuy nhiên, do dịch bệnh nên heo, vịt chết dẫn đến vợ chồng bà còn nợ lại tiền thức ăn của ông M. Việc mua bán thức ăn giữa vợ chồng bà và ông M không có lập hợp đồng văn bản mà chỉ nói miệng, khi nào bán heo thì trả tiền (khoảng 04 – 05 tháng). Đến ngày 03/8/2018, vợ chồng bà và ông M có tổng kết nợ, vợ chồng bà còn nợ ông M số tiền 428.470.000 đồng. Bà có viết giấy nợ cho ông M, là giấy tay không tiêu đề, có ghi “Phần sau...Đoàn Kim H2”. Nay ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà liên đới hoàn trả cho ông M 428.470.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 13/9/2018 đến ngày Tòa xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng thì vợ chồng bà chỉ đồng ý trả nợ gốc 428.470.000 đồng, không đồng ý trả lãi và xin trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Vợ chồng bà và ông M không có thỏa thuận lãi chậm trả. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông Đ.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật cụ thể vắng mặt trong các lần mời của Tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Kim H2 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền mua bán thức ăn là 428.470.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 25/02/2020, ông Trương Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Kim H2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông M số tiền nợ thức ăn chăn nuôi là 428.470.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày ông Đ và bà H vi phạm hợp đồng là ngày 13/9/2018 đến ngày Tòa xét xử, lãi suất 0,83%/tháng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 17/02/2020 của Công an xã Ph1 xác định bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Kim H2 có nơi cư trú tại ấp Ph, xã Ph1, huyện M nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020. Nay ông Trương Văn M khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Kim H2 và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tổng số tiền nợ thức ăn chăn nuôi là 428.470.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh H và bị đơn bà Đoàn Kim H2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và bà H2 là phù hợp. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất giữa ông Trương Văn M và ông Nguyễn Văn Đ, bà Đoàn Kim H2 có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi và việc xác lập hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên hợp đồng mua bán giữa các bên là hợp pháp. Bà H2 thừa nhận vợ chồng bà còn nợ ông Trương Văn M số tiền thức ăn là 428.470.000 đồng và bà đồng ý hoàn trả số tiền này cho ông M. Tuy nhiên, vợ chồng bà xin được trả dần mỗi năm

30.000.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng đại diện theo ủy quyền của ông M không đồng ý theo yêu cầu của bà H nên buộc bà H2 và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông M số tiền thức ăn còn nợ là 428.470.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Kim H2 phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bị đơn bà Đoàn Kim H2 và ông Nguyễn Văn Đ thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên bà H2 và ông Đ được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn Mánh.

Buộc bà Đoàn Kim H2 và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền mua bán thức ăn còn nợ 428.470.000 đồng.

Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà Đoàn Kim H2 và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Đoàn Kim H2 và ông Nguyễn Văn Đ được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

Hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.780.000 đồng theo biên lai thu tiền số \*\*\*\*\* ngày \*\*/\*\*/\*\*\*\* của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Hoàng Kim Sang**